

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 338/UBND-TH
V/v giao kế hoạch vốn DA2: CT135
hỗ trợ PTSX, duy tu bảo dưỡng công
trình thuộc CTMTQG Giảm nghèo
bền vững năm 2015

Bắc Giang, ngày 06 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 2405/QĐ-TTg, ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND- NN&PTNT- KHĐT-TC-XD, ngày 18/11/2013 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn; Thông tư số 46/2014/TT-BNNPTNT, ngày 05/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách Nhà nước năm 2015,

Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh về việc giao kế hoạch (vốn sự nghiệp) hỗ trợ phát triển sản xuất, duy tu bảo dưỡng công trình, thuộc Chương trình 135 năm 2015 như sau:

1. Về đối tượng và mức vốn phân bổ

Các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn, xã ATK theo Quyết định số 2405/QĐ-TTg, ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 582/QĐ-UBND, ngày 18/12/2013 của Ủy ban Dân tộc, cụ thể tỉnh Bắc Giang có 52 xã khu vực III, xã ATK; 94 thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I và xã khu vực II.

Mức vốn phân bổ cho từng huyện được xác định căn cứ vào Quyết định số 495/2014/QĐ-UBND, ngày 01/8/2014 của UBND tỉnh Ban hành quy định tiêu chí phân nhóm xã, thôn theo mức độ khó khăn và định mức phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020.

2. Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2015:

Tổng kế hoạch vốn sự nghiệp của Chương trình là 24.197 triệu đồng, trong đó: vốn hỗ trợ phát triển sản xuất 19.850 triệu đồng, duy tu bảo dưỡng công trình 4.347 triệu đồng, dự kiến phân bổ cụ thể:

- Hỗ trợ phát triển sản xuất: 19.850 triệu đồng

Phân bổ cho các huyện: Sơn Động 5.540 triệu đồng; Lục Ngạn 5.730 triệu đồng; Lục Nam 2.500 triệu đồng; Yên Thế 1.990 triệu đồng, Hiệp Hòa 3.960 triệu đồng và Lạng Giang 130 triệu đồng.

Ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các xã trên cơ sở mức vốn phân bổ bình quân theo Quyết định số 495/2014/QĐ-UBND, ngày 01/8/2014 của UBND tỉnh và nội dung "Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất" của xã xây dựng đã được UBND huyện phê duyệt.

- Duy tu bảo dưỡng công trình: 4.347 triệu đồng

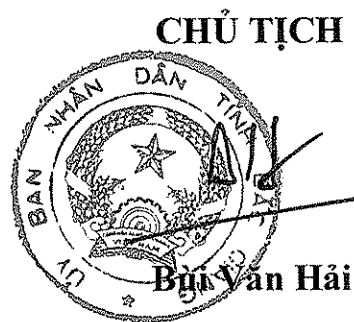
Phân bổ cho các huyện: Sơn Động 1.197 triệu đồng; Lục Ngạn 950 triệu đồng; Lục Nam 250 triệu đồng; Yên Thế 250 triệu đồng và huyện Hiệp Hòa 1.700 triệu đồng. Ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện phân bổ chi tiết cho các xã làm chủ đầu tư để thực hiện duy tu, bảo dưỡng các công trình theo quy định.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh./.

Nơi nhận: *VS*

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (Thào).
- * Bản điện tử:
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP;
- + Các phòng: VX2, KT, NN-TN&MT, CN-ĐT&XD.



KẾ HOẠCH VỐN

CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2015

Dự án 2: Chương trình 135 (vốn sự nghiệp) hỗ trợ phát triển sản xuất, duy tu bảo dưỡng công trình
(Kế hoạch trình UBND huyện số 338 /UBND-TH, ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Tên huyện | Số xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu | Số thôn, bản đặc biệt khó khăn | Kế hoạch vốn sự nghiệp năm 2015(*) | | |
|-----|------------------|---|--------------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------|
| | | | | Tổng số | Trong đó: | |
| | | | | Hỗ trợ phát triển sản xuất | Duy tu, bảo dưỡng công trình | |
| | Tổng số | 52 | 94 | 24.197 | 19.850 | 4.347 |
| 1 | Huyện Sơn Động | 15 | 23 | 6.737 | 5.540 | 1.197 |
| 2 | Huyện Lục Ngạn | 12 | 40 | 6.680 | 5.730 | 950 |
| 3 | Huyện Lục Nam | 5 | 14 | 2.750 | 2.500 | 250 |
| 4 | Huyện Yên Thế | 4 | 14 | 2.240 | 1.990 | 250 |
| 5 | Huyện Hiệp Hòa | 16 | | 5.660 | 3.960 | 1.700 |
| 6 | Huyện Lạng Giang | | 3 | 130 | 130 | |

Ghi chú(*): Ủy quyền cho Chủ tịch UBND các huyện phân bổ chi tiết.